

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 95/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23 – 5 – 2023

“V/v Xin ly hôn
và nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa, Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Đạt**

2. Ông **Dương Sơn**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Xuân Cường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang:
Ông **Nguyễn Hoàng Thành** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc “Xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2023.

1/ Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc X**, sinh năm 2000, có mặt.

HKTT: Ấp H, xã V, huyện V Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: 125 N, Phường B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bị đơn: Anh **Bùi Tuấn A**, sinh năm 1998, có mặt.

HKTT: Ấp B, xã B, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp K, xã K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tại tòa của chị Nguyễn Thị Ngọc X trình bày:

Chị X và anh T yêu thương và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2020, có đăng ký kết hôn và được UBND xã B, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang cấp

giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/01/ 2021. Cuộc sống hôn nhân lúc đầu rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay cãi vã, anh T ghen tuông vô cớ, nhiều lần mắng chửi, xúc phạm làm chị X bị tổn thương. Nay chị X yêu cầu được ly hôn với anh Bùi T. Về con chung: Có 01 người con tên Bùi Nam T, sinh ngày 24/11/2020, chị yêu cầu được nuôi cháu T đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại chị đang mở tiệm nails và đào tạo nghề cho học viên. Thu nhập hàng tháng khoảng 15.000.000đồng.

Theo bản tự khai và lời khai tại phiên tòa bị đơn anh Bùi T trình bày:

Anh T và chị X sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2020 và có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/01/2021. Lúc đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc, gia đình và cuộc sống. Nay chị X yêu cầu xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Con chung: Có 01 người con tên Bùi Nam T, sinh ngày 24/11/2020, anh yêu cầu được nuôi cháu T đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị X cấp dưỡng. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa anh T trình bày hiện tại coi bàn bi da và mở tiệm bán gạo của riêng mình. Hiện thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000đồng.

Hội đồng xét xử tiến hành hoà giải nhưng chị X vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn với anh Bùi T và yêu cầu được nuôi con chung.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án. Về nội dung đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa chị X và anh T, giao con chung cho chị X nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội Đồng Xét Xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Bị đơn anh Bùi T có nơi cư trú tại: ấp K, xã K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Đây là vụ kiện “Xin ly hôn và nuôi con chung” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Nguyễn Thị Ngọc X và anh Bùi T chung sống với nhau từ năm 2020 và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Kiên Lương, tỉnh

Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/01/2021, nên hôn nhân giữa chị X và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, nay chị X yêu cầu xin ly hôn thì anh T cũng đồng ý. Vì vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc X và anh Bùi T theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị X và anh T có 01 người con chung tên Bùi Nam T, sinh ngày 24/11/2020, cả chị X và anh T đều có nguyện vọng được nuôi cháu T đến tuổi trưởng thành và cả hai không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu của chị X, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua biên bản xác minh tại Công an phường Bình Chiểu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xác định chị X có đăng ký tạm trú tại khu phố 2, phường Bình Chiểu và từ lúc tạm trú tại địa phương thì chị X luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật, chỉ lo làm ăn không làm ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội. Trên địa bàn khu phố 2 nơi chị X cư trú có khu vui chơi cho trẻ em, có nhà trẻ của nhà nước và nhà trẻ tư nhân. Điều kiện nơi ăn, ở, sinh hoạt và đi lại thuận lợi. Chị X làm nghề chuyên làm đẹp cho phụ nữ và nhận dạy thêm học viên tại tiệm của mình. Qua đó, xét thấy chị X có đủ điều kiện để đảm bảo nhu cầu thiết yếu về ăn, ở, học tập, vui chơi và đảm bảo mọi điều kiện cho sự phát triển của cháu T. Mặt khác do cháu T là con gái nên cần phải có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ để cháu có sự phát triển tốt nhất về thể chất cũng như tâm sinh lý.

Đối với yêu cầu của anh T thì Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua biên bản xác minh tại địa phương đều khẳng định như sau: Hiện T đang bán tạp hóa và trông coi bàn bida tiếp gia đình, ngoài ra không làm gì thêm. Thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000đ đến 8.000.000đ, nhưng thu nhập cũng không được ổn định tùy từng tháng. Qua đó, thấy rằng việc thu nhập của anh T là không độc lập, không ổn định và anh T cũng không có nghề nghiệp rõ ràng, chỉ ở nhà phụ buôn bán tiếp gia đình. Mặt khác, tại khoản 3 Điều 81 quy định “Con 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc do cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Vì vậy không đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của anh T.

Vì vậy áp dụng Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị X, giao con chung tên Bùi Nam T, sinh ngày 24/11/2020 cho chị X nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị X không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung và anh T cũng không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các bên xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các bên xác nhận không có.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000^d, do chị X yêu cầu ly hôn nên phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc X và anh Bùi T

Về con chung: Giao con chung tên Bùi Nam T, sinh ngày 24/11/2020 cho chị X nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh T cũng không có ý kiến nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Các bên xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Các bên xác nhận là không có.

2. Về án phí: Áp dụng các điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Trần Thị Ngọc X phải nộp 300.000^d án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000^d theo biên lai thu tiền số 0009269 ngày 27/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (đã thực hiện xong).

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/5/2023).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu tập án, hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Minh